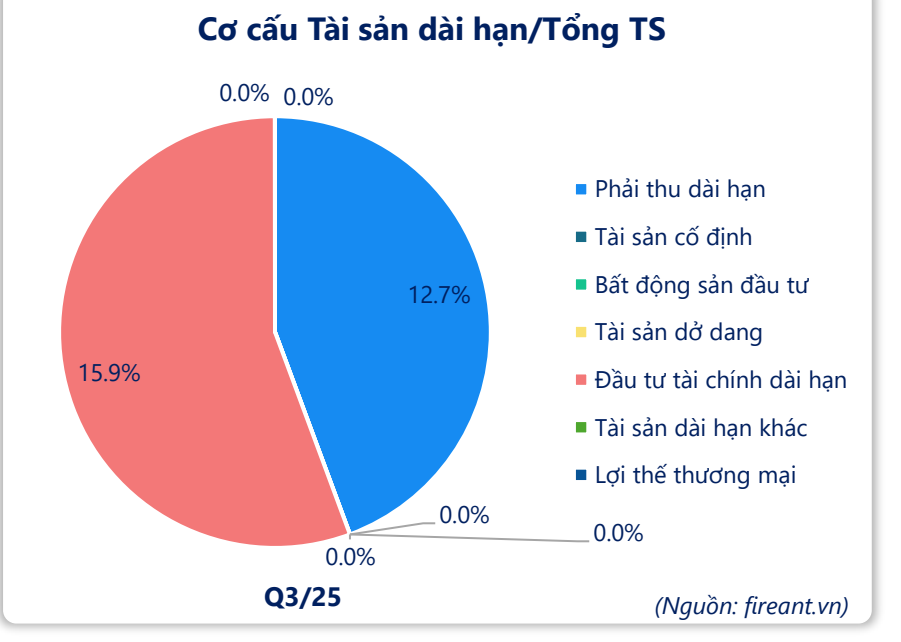
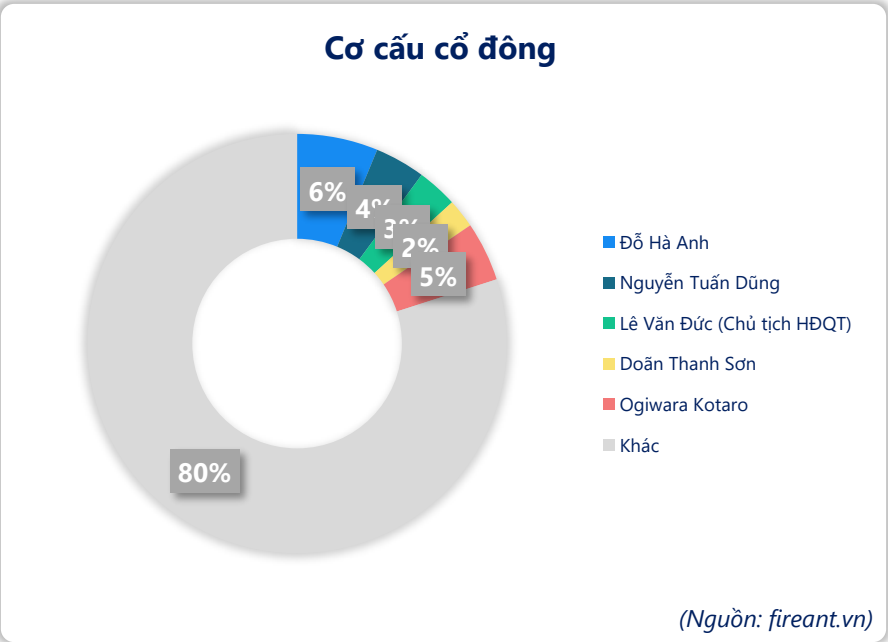
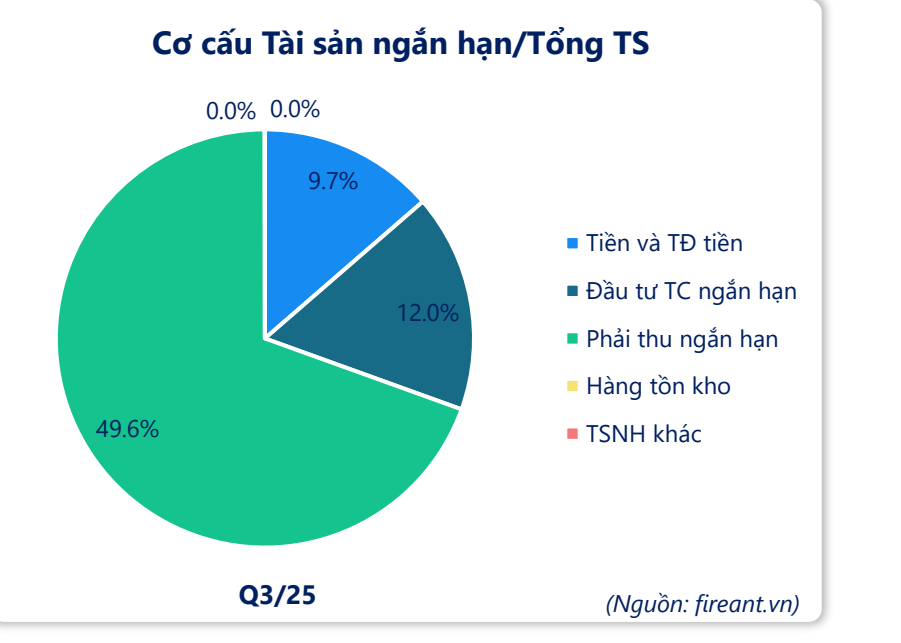
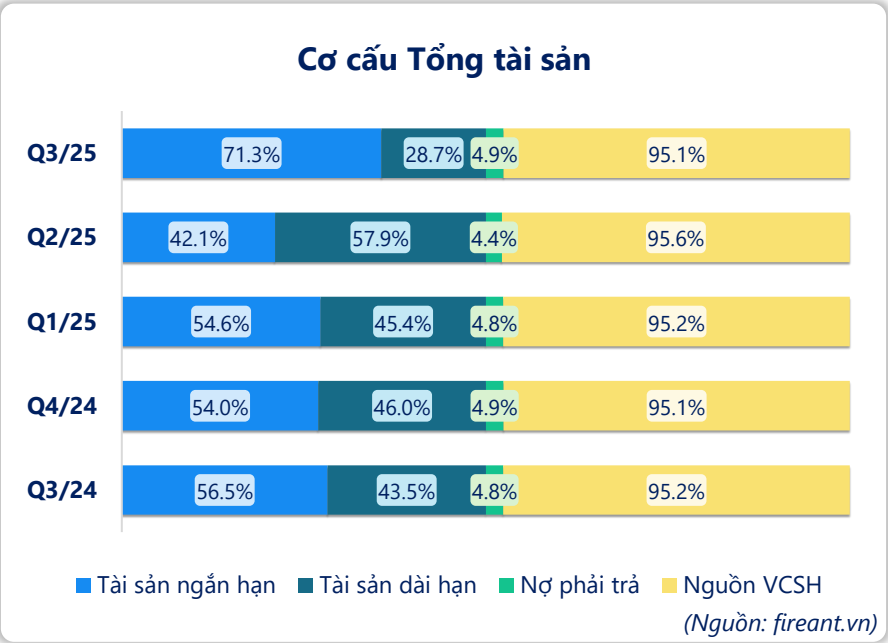
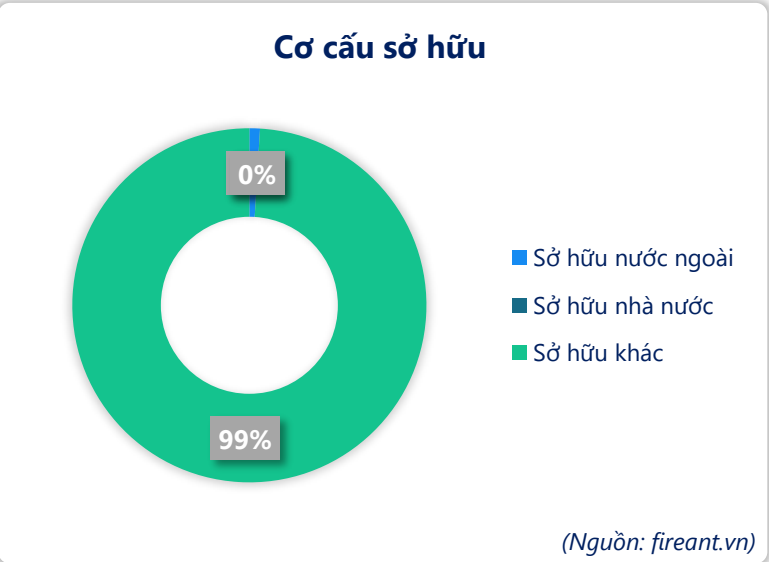
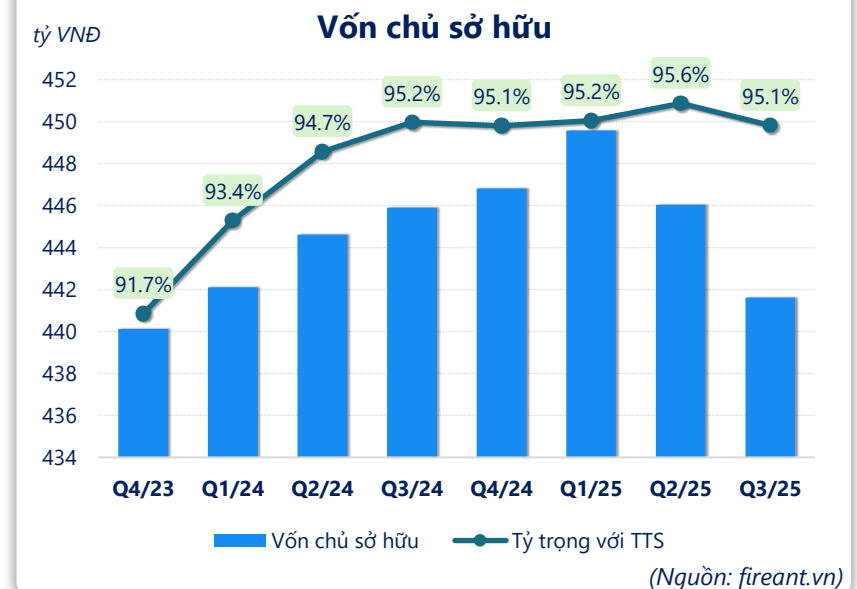
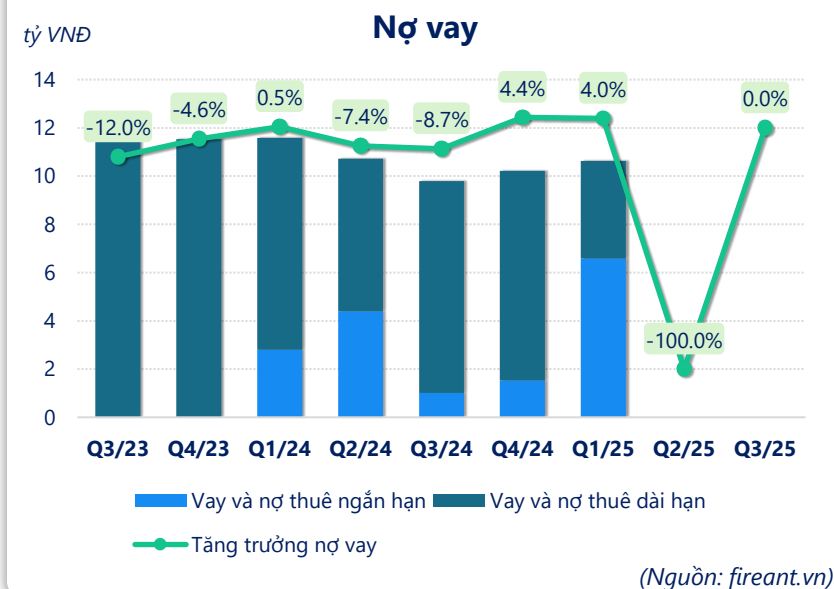
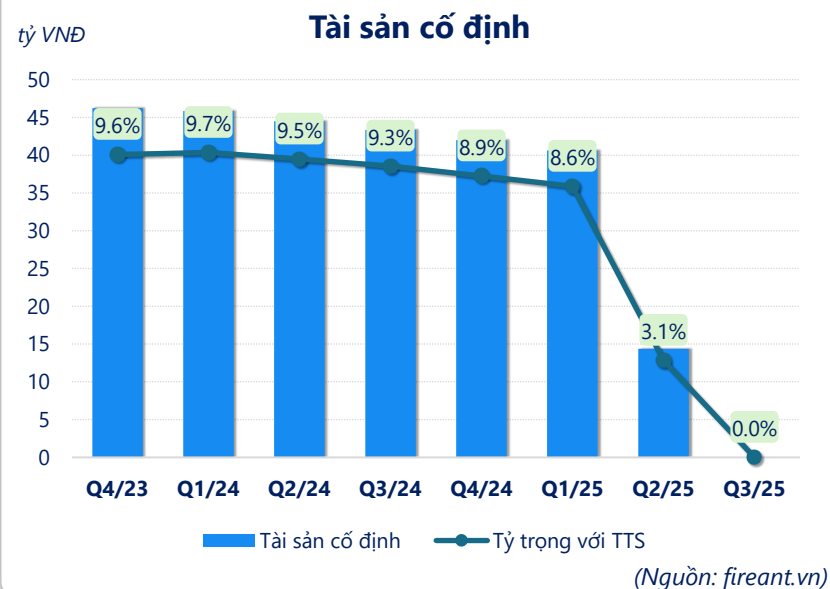
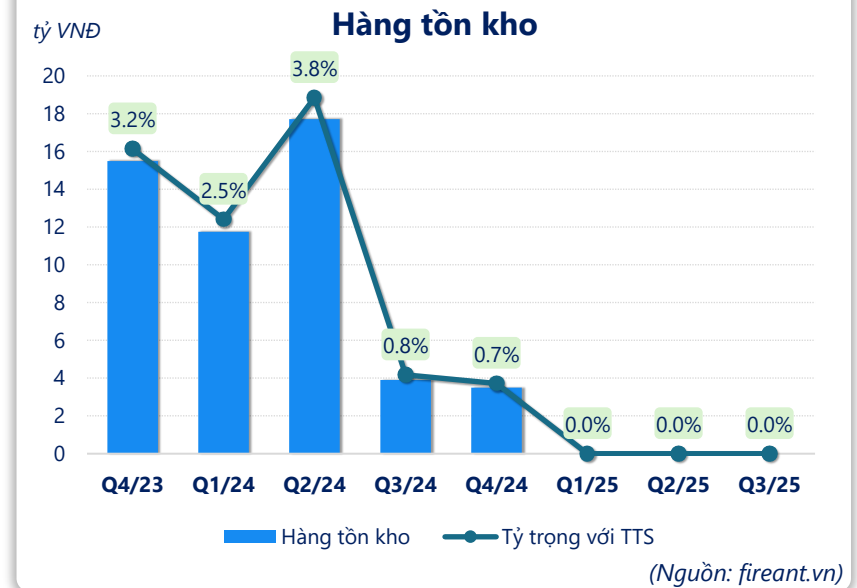
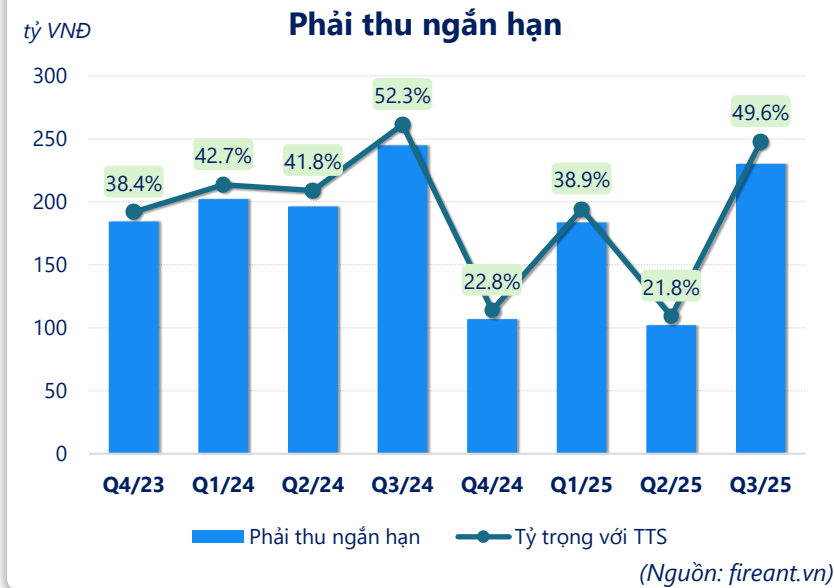
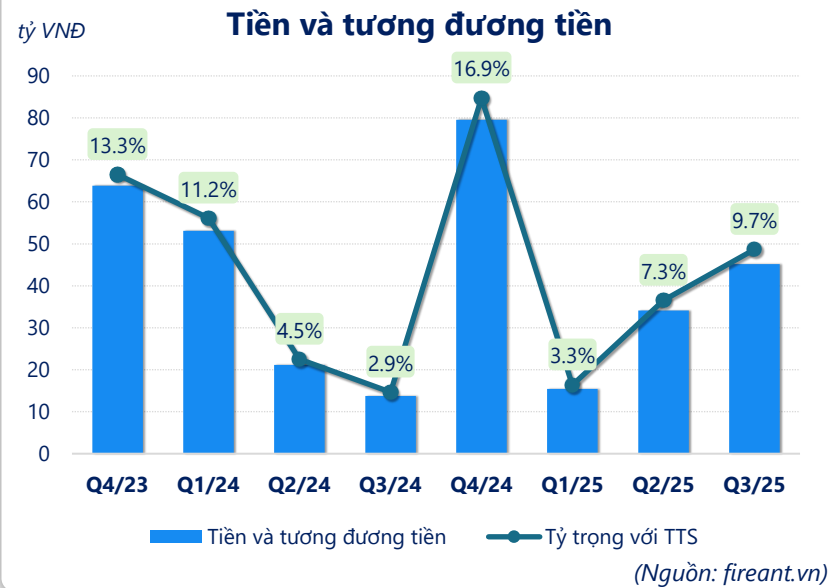
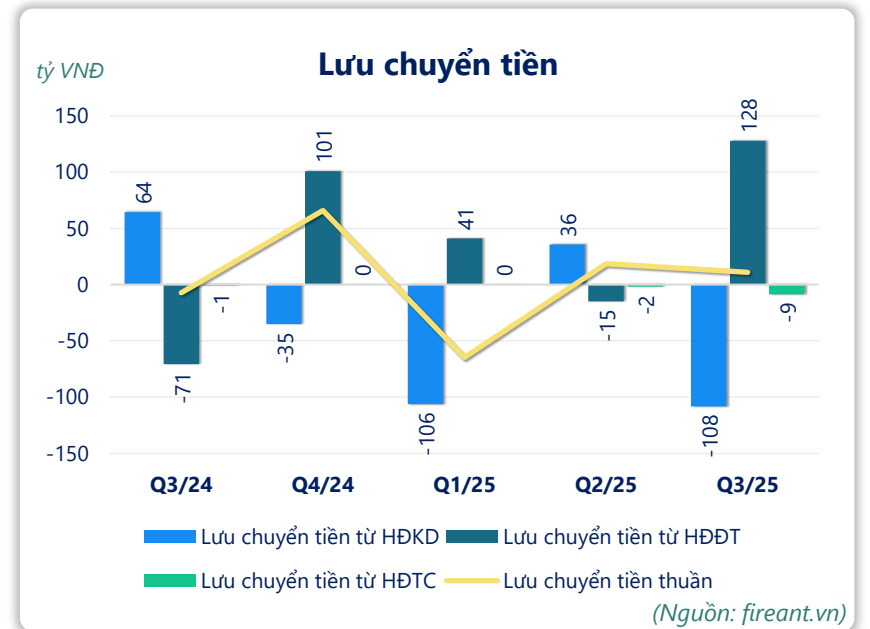
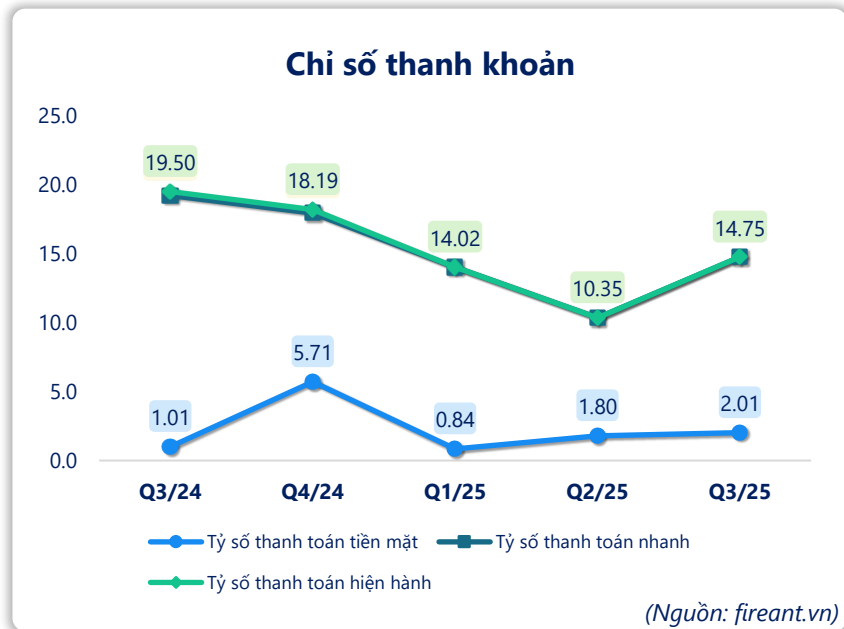
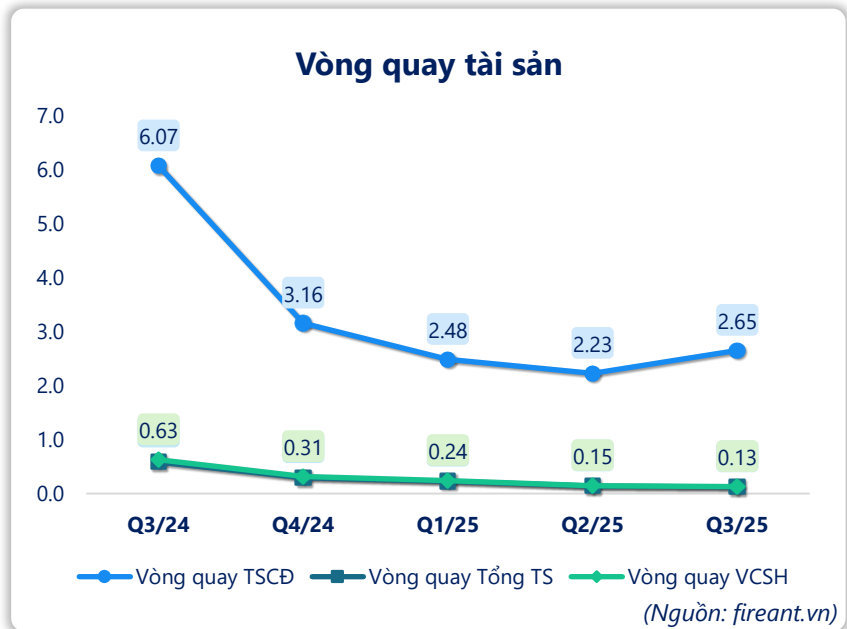
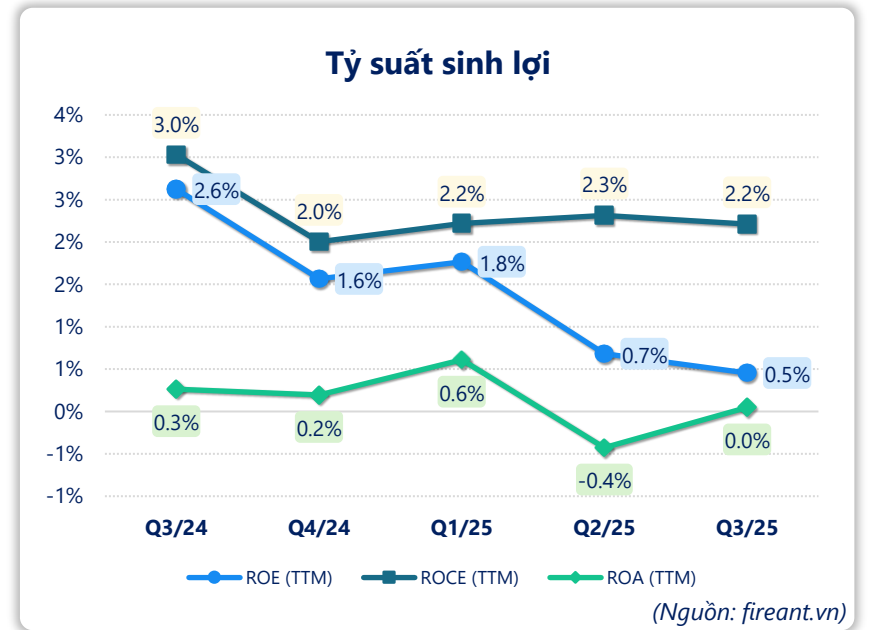
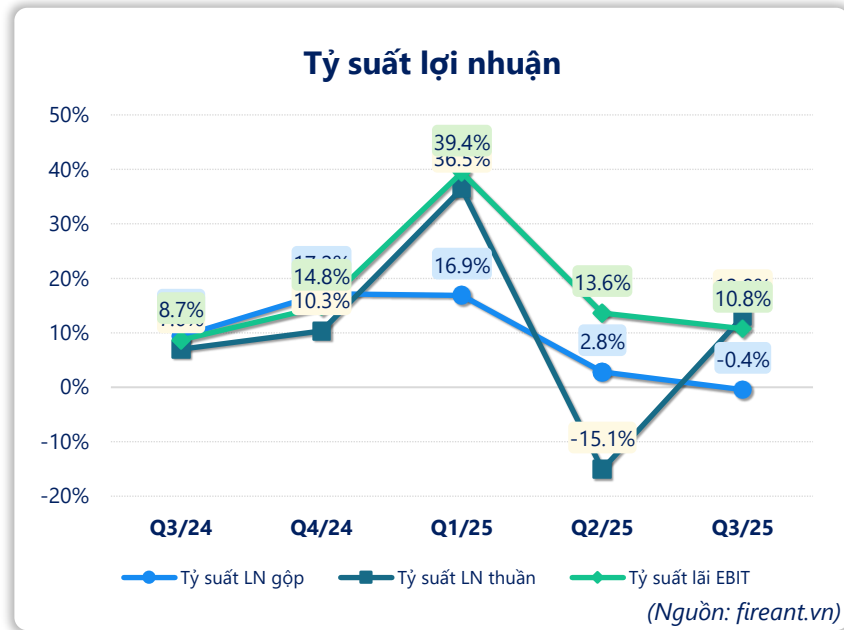
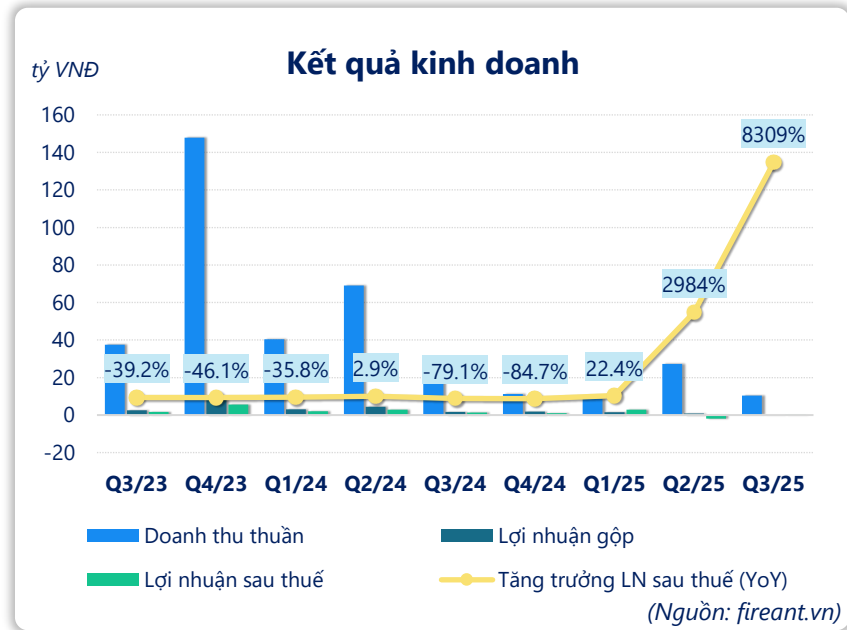


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,330
SL cổ phiếu LH		38,567,363
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,160,905
% sở hữu nước ngoài		1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		420
P/E		208.7
EPS		52

	YTD	1T	3T	6T
HSL	165.9%	-30.8%	75.8%	160.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	464	469	-1.1%
Tài sản ngắn hạn	331	253	30.7%
Tiền và tương đương tiền	45.2	80.1	-43.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	55.9	60.7	-7.9%
Phải thu ngắn hạn	230	107	115%
Hàng tồn kho	0	3.50	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	0.04	2.15	-98.2%
Tài sản dài hạn	133	216	-38.4%
Phải thu dài hạn	59.0	97.6	-39.5%
Tài sản cố định	0	42.0	-100%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	74.0	74.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.01	2.39	-99.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	22.5	22.7	-0.9%
Nợ ngắn hạn	22.4	18.6	20.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	6.17	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.18	2.84	82.2%
Nợ dài hạn	0.07	4.12	-98.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	4.05	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	442	447	-1.1%
Vốn chủ sở hữu	442	447	-1.1%
Vốn điều lệ	386	386	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	18.4	11.2	8.66	27.3	10.3
Giá vốn hàng bán	16.7	9.28	7.20	26.5	10.4
Lợi nhuận gộp	1.72	1.93	1.46	0.76	-0.05
Doanh thu HĐTC	0.65	0.60	2.88	10.7	5.87
Chi phí TC	0.19	0.58	0.31	14.4	3.56
Chi phí lãi vay	0.29	0.54	0.26	0.13	0.03
LN trong công ty LKLD	0.02	0.04	0	0.02	-0.12
Chi phí bán hàng	0.18	0.02	0.06	0.01	0.00
Chi phí QLDN	0.73	0.80	0.82	1.19	0.81
LN thuần từ HĐKD	1.29	1.16	3.16	-4.11	1.33
Lợi nhuận khác	0.03	-0.04	-0.01	7.70	-0.25
LN trước thuế	1.32	1.12	3.15	3.59	1.08
Lợi nhuận sau thuế	1.29	0.96	2.95	-1.97	0.15
LNST của CĐ cty mẹ	1.24	0.92	2.88	-2.00	0.21

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	64.3	-35.2	-106	35.6	-108
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-70.8	101	41.2	-15.1	128
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.93	0.38	0.41	-1.93	-8.69
Tiền đầu kỳ	21.1	13.7	80.1	15.5	34.1
Lưu chuyển tiền thuần	-7.39	65.8	-64.7	18.6	11.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.7	79.6	15.5	34.1	45.2

(Nguồn: fireant.vn)